

BỘ CÔNG AN
CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Số: 1132/TC-ANĐT-P4

SỐ TÀI CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐẾN Số: 2409
Ngày: 28/3/2025
Chuyển
Số và ký hiệu HS: PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA BỘ CÔNG AN

YÊU CẦU ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ: Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/QĐ-ANĐT ngày 08/5/2024 của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an đối với vụ án "Vi phạm quy định về đầu thầu; đưa hối lộ; nhận hối lộ" xảy ra tại Công ty TNHH cây xanh Công Minh và các tỉnh, thành phố;

Căn cứ các điều 36, 39, 69, 215, 216 và 217 Bộ luật Tố tụng hình sự;
Xét cần thiết cho việc điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương tiến hành định giá tài sản sau:

I. THÔNG TIN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÀI SẢN CẦN ĐỊNH GIÁ

Tài sản cần định giá là các vật liệu dùng cho dự án trồng cây xanh đô thị tại UBND tỉnh Bình Dương (02 dự án) có thông tin và đặc điểm theo Phụ lục đính kèm.

II. TÊN TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN (NẾU CÓ)

- Hồ sơ thực hiện dự án của các hợp đồng: (1) Hợp đồng số 0307/2021/HĐXL ngày 15/03/2021 giữa Ban Quản lý Tòa nhà Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương với Liên danh Công ty TNHH Cây xanh Công Minh và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Môi trường Duy Tân; (2) Hợp đồng số 06/2023/HĐTC ngày 14/07/2023 giữa Văn phòng UBND tỉnh Bình Dương với Công ty TNHH môi trường đô thị Công Minh Vĩnh Long.
- Danh sách công ty thuộc hệ thống Tổng Công ty cây xanh Công Minh và một số doanh nghiệp tham định giá có liên quan đến vụ án.
- Lời khai của Thái Hữu Dũng - Giám đốc khu vực Bắc miền Trung về việc công ty thuộc hệ thống cây xanh Công Minh tham gia dự thầu và thực hiện các dự án trồng, chăm sóc cây xanh trên các tỉnh, thành phố.
- Kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đồng Nai đối với tài sản là các vật liệu sử dụng cho các dự án trồng cây xanh tại các tỉnh Quảng

Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đồng Nai do công ty thuộc hệ thống cây xanh Công Minh thực hiện.

III. NỘI DUNG YÊU CẦU ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Xác định đơn giá (giá bán ra tại cơ sở kinh doanh, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các khuyến mãi khác) và tổng giá trị các loại tài sản theo Phụ lục đính kèm vào thời điểm ký kết các hợp đồng: (1) Hợp đồng số 0307/2021/HĐXL ngày 15/03/2021 giữa Ban Quản lý Tòa nhà Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương với Liên danh Công ty TNHH Cây xanh Công Minh và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Môi trường Duy Tân; (2) Hợp đồng số 06/2023/HĐTC ngày 14/07/2023 giữa Văn phòng UBND tỉnh Bình Dương với Công ty TNHH môi trường đô thị Công Minh Vĩnh Long.

IV. THỜI HẠN ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Từ ngày 20 tháng 3 năm 2025 đến ngày 20 tháng 5 năm 2025, Hội đồng định giá tài sản phải gửi Kết luận định giá tài sản cho cơ quan yêu cầu định giá tài sản.

Kèm theo yêu cầu định giá tài sản này gồm: Các tài liệu liên quan nêu tại mục II yêu cầu này.

Yêu cầu định giá tài sản này được gửi đến Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương.

Người định giá tài sản có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 69 Bộ luật Tố tụng hình sự/.

(Thông tin liên quan cần trao đổi để nghị liên hệ Điều tra viên Vũ Thành Trung, số điện thoại: 097.888.3682).

Nơi nhận:

- Hội đồng DGTS trong TTHS tỉnh Bình Dương;
- VKSNDTC (Vu 1);
- Độc Hoàng Văn Hà - Cục trưởng A09;
- P.TTTT CQANĐT Bộ Công an (để báo cáo);
- Lưu: VT, HSVA, (PQT, 05b).

PHÓ THỦ TRƯỞNG

Trần Văn Hùng

BỘ CÔNG AN
CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA

PHỤ LỤC TÀI SẢN ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu định giá tài sản số: 1132/TC-ANĐT-P4 ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Cơ quan ANĐT Bộ Công an)

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	DVT	Khối lượng/ Số lượng
UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG			
I	HỢP ĐỒNG SỐ 0307/2021/HĐXL NGÀY 15/03/2021		
1	Cây Lim Xẹt cao 4-5m, đường kính gốc 15-17cm	cây	30,00
2	Cây Giáng Hương cao 4-5m, đường kính gốc 10-12cm	cây	26,00
3	Cây Xà cừ cao 4-5m, đường kính gốc 20-25cm	cây	24,00
4	Cây Kèn Hồng cao 4-5m, đường kính gốc 15-17cm	cây	27,00
5	Cây Gõ Đỏ cao 6-8m, đường kính gốc 30-35cm	cây	5,00
6	Cây Cẩm Lai cao 4-5m, đường kính gốc 18-20cm	cây	6,00
7	Cây Giáng Hương cao 6-8m, đường kính gốc 30-35cm	cây	4,00
8	Cây Lát Hoa cao 4-5m, đường kính gốc 18-20cm	cây	4,00
9	Cây Trắc cao 4-5m, đường kính gốc 20-25cm	cây	5,00
10	Cây Trường cao 4-5m, đường kính gốc 22-25cm	cây	5,00
11	Cây Bằng Lăng cao 4-5m, đường kính gốc 25-30cm	cây	4,00
12	Cây Lộc Vừng cao 4-5m, đường kính gốc 25-30cm	cây	4,00
13	Cây Sộp cao 6-8m, đường kính gốc 65-70cm	cây	3,00
14	Cây Sung cao 5-6m, đường kính gốc 45-50cm	cây	3,00
15	Cây Vú Sữa cao 5-6m, đường kính gốc 30-35cm	cây	4,00
16	Cây Chiêu Liêu cao 4-5m, đường kính gốc 18-20cm	cây	4,00
17	Cây Kê Bạc (lông cao >=0,5m, đường kính gốc 25cm), cây kiểng tạo hình, trở hoa	cây	6,00

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	DVT	Khối lượng/ Số lượng
18	Cây Ấc Ô trồng hàng rào (mật độ 4000 cây/100m2)	cây	12.632,00
19	Cây Lá trắng trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	7.059,20
20	Cây Phôi bò trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	1.523,20
21	Cây Ô rô gần đỏ trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	3.721,60
22	Cây Tường Vi trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	4.985,60
23	Cây Bạch Trinh trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	12.523,20
24	Cây Ô rô gần vàng trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	5.513,60
25	Cây Trúc Quân tử trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	1.225,60
26	Cây Hồng Anh trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	1.582,40
27	Cây Huỳnh Anh trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	209,60
28	Cỏ Nhung nhất	m2	15.418,80
29	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	42.851,68
HỢP ĐỒNG SỐ 06/2023/HĐTC NGÀY 14/07/2023			
II			
30	Cây Kim phát tài, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 0.8m-1.6m	cây	8,00
31	Cây Phú Quý, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 30cm-35cm	cây	4,00
32	Cây Trầu Bà trụ, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 0.8m-1.6m	cây	2,00
33	Cây Kim Tiền, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 30cm-35cm	cây	3,00
34	Cây Đế Vương, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 30cm-35cm	cây	2,00
35	Cây Cau Nhật, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 0.8m-1.6m	cây	7,00
36	Cây Ngọc Ngân, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 30cm-35cm	cây	4,00
37	Cây Đế Vương, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 0.8m-1.6m	cây	2,00



DANH SÁCH CÔNG TY THUỘC HỆ THỐNG CÂY XANH CÔNG MINH VÀ MỘT SỐ DOANH NGHIỆP THAM DỰ
(Kèm theo Yêu cầu định giá tài sản ngày 14 tháng 03 năm 2023 của Cơ quan ADBT Bộ Công an)

STT	Tên Công ty	Địa Chỉ	Mã số doanh nghiệp
I. DANH SÁCH PHÁP NHÂN THUỘC HỆ THỐNG CÂY XANH CÔNG MINH			
1	Công ty TNHH Cấp Thiết Nước và Dịch Vụ Môi Trường	Ấp 1, Xã Tân Hưng, Thành phố Đông Xôi, tỉnh Bình Phước	3801096210
2	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Việt Nam xanh	Số 02, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Nghĩa Đức, Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	6400312910
3	Công ty TNHH cây xanh MINA	Tổ 1, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	1801460138
4	Công ty TNHH xây dựng Nghĩa Hà	Tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thuận, thành phố Gia nghĩa, Đắk Nông	6600427579
5	Công ty TNHH MTDY Công Minh Bình Thuận	Tổ 3, Thôn Tiến Hưng, Xã Tiến Lợi, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	3401159709
6	Công ty TNHH cây xanh Thành Nhân	Số 99/47, tổ 12, KP 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	3603480873
7	Công ty TNHH cây xanh Ninh Dương	Số 06/C, ấp 1, Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	3603489192
8	Công ty TNHH Cây Xanh Nam Trung Bộ	Thôn An Nhon, Xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	4500615111
9	Công ty TNHH Cây xanh Duyên Hải	1415DL, Hạng Vương, Phường Cam Phúc Nam, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	4201750426
10	Công ty TNHH Cây xanh Thành Tuy	Khu phố Phước Hậu 2, Phường 9, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	440103052



STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Khối lượng/ Số lượng
38	Cây Đa Búp kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 30cm-35cm	cây	4,00
39	Cây Mật Cật, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 0.8m-1.6m	cây	15,00
40	Cây Vạn Lộc kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 30cm-35cm	cây	7,00
41	Cây Phát Tài gốc, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 0.8m-1.6m	cây	8,00
42	Cây Trúc Bách Hợp, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 0.8m-1.6m	cây	4,00
43	Cây Dừa Kiểng, kích thước (bao gồm chậu, đĩa lót): 0.8m-1.6m	cây	13,00

TỔNG CỘNG: 43 mục.

STT	Tên Công ty	Địa Chỉ	Mã số doanh nghiệp
23	Công ty TNHH MTDY Công Minh Bình Dương	M17-05 Khu phố Lùnnon, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	3702625777
24	Công ty TNHH M&E trường đô thị M&C	69/18 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	0314742450
25	Công ty TNHH phát triển Môi trường đô thị Sài Gòn	162/147 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TPHCM	0313729290
26	Công ty TNHH Đầu tư Green Market	116/24 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP HCM	0315656666
27	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Môi Trường Duy Tân	17/17 đường Huyền Tân Phát, Tổ 9, Khu phố Ninh Thái, Thị Trấn Lộc Ninh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	3801159291
28	Công ty TNHH Cây Xanh Tây Nguyên	Số 26, đường Biên Hòa Phú, tổ dân phố 5, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	6400153467
29	Công ty TNHH Công Minh Cây Xanh	111/88 đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	3801087858
30	Công ty TNHH Môi trường Đô thị Phú Quốc	Tổ 2, ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	1701998518
31	Công ty TNHH Minh Thành Phát Kiên Giang	Số 390, khu phố 4, thị trấn thứ 3, huyện An Biên, Tỉnh Kiên Giang	1702104298
32	Công ty TNHH đường nội dịch vụ cây xanh Kiên Lương	Số 614 đường Tân Hưng Đạo, Khu phố Xã Ngọc, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	1702994586
33	Công ty TNHH MTDY B&T Tre	177/54, Ấp Lân Tây, xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	1301047645
34	Công ty TNHH Môi trường Đô thị Hậu Giang	Số 24, L& A11, đường số 6, KDC Thương mại Phường 7 (S89), khu vực 4, phường 7, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	6300309086
35	Công ty TNHH Môi trường Đô thị Long An	Số 13 đường Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 4, TP Tân An, Long An	1101898952
36	Công ty TNHH Môi trường Đô thị trên Giang	110 Trịnh Hoài Đức, phường 2, TP Mỹ Tho, Tiền Giang	1201995084
37	Công ty TNHH Môi trường Đô thị Công Minh Vĩnh Long	60/E, đường Phan Hùng, nhóm 2, Phường 9, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	1501075294



M&E	M&E	Địa Chỉ	Tên Công ty	STT
4401053126	4401053126	Khu phố Phước Hậu 2, Phường 9, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Công ty TNHH M&E Công Minh Phú Yên	11
44010405594	44010405594	Nghĩa Trung, Gia Nghĩa, Đắk Nông	Công ty TNHH M&E Công Minh Tây Nguyên	12
440106106208	440106106208	Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	Công ty TNHH M&E Công Minh Phú Yên	13
58014107005	58014107005	Số nhà 32 đường Hà Huy Tập, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH M&E Công Minh Lâm Đồng	14
4401067489	4401067489	Thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	Công ty TNHH M&E Công Minh Sông Cầu	15
3800430085	3800430085	362A đường Phú Riêng Dò, Phường Tân Bình, thành phố Đông Xôi, tỉnh Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	16
38001717024	38001717024	Tổ 1A, KP Tân Trá 1, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	17
69668072	69668072	An, 1 Bình Dương, Việt Nam	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Dương	18
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	19
471051108	471051108	362A đường Phú Riêng Dò, Phường Tân Bình, thành phố Đông Xôi, tỉnh Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	20
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	21
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	22
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	23
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	24
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	25
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	26
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	27
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	28
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	29
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	30
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	31
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	32
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	33
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	34
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	35
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	36
38	38	Ấp An Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước	Công ty TNHH M&E Công Minh Bình Phước	37

1. *From 8 am to 9:30 am, the children should be playing outside, running, jumping, and playing games.*

[illegible]

۱۰۰

5

10